

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC TRỌNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông K' Bửu
2. Ông Nguyễn Huy Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 376/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Mỹ D**, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ A, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ C, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2021, tại bản tự khai ngày 06/12/2021 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D trình bày:* Bà và ông Lê Văn H kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có thời gian tìm hiểu 06 năm. Sau

khi cưới vợ chồng cùng chung sống tại tổ C, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi cưới gia đình ông H luôn nghi ngờ bà đưa tiền về cho gia đình nên cuộc sống chung không hạnh phúc, không có sự tin tưởng nhau; khi bà sinh con và sức khỏe yếu ông H không quan tâm, không có trách nhiệm chăm sóc, chữa trị mà thường hay ăn nhậu với bạn bè; ông H không có trách nhiệm xây dựng gia đình, đẩy trách nhiệm làm mẹ phải nuôi các con, nợ nần tự mượn tự trả, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ công việc. Hiện nay vợ chồng đã chấm dứt cuộc sống chung từ tháng 09 năm 2021, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, trong thời gian này ông H không có sự thay đổi, không chăm lo cho con cái, không có trách nhiệm cùng vợ trả nợ nên vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm và tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến ngày các con chung thành niên và bà không yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi các con chung; ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 04 con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu thì bà đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 04/4/2022 và lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:* Ông và bà Hồ Thị Mỹ D có tìm hiểu quen biết, sau đó kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đức Trọng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, gia đình và con cái; không hợp nhau; ông không có tiếng nói trong gia đình khi nói chuyện thường cãi vã, không thống nhất được, không nói chuyện với nhau được; hành xử thiếu chuẩn mực giữa hai bên gia đình nội ngoại. Bà D hời hợt thiếu trách nhiệm trong chăm sóc con cái, chăm lo nhà cửa. Vợ chồng đã không sống chung từ tháng 8 năm 2021, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không có trách nhiệm đối với nhau; ông có thiện chí hòa giải nhưng bà D cương quyết ly hôn, vợ chồng đối lập nhau về quan điểm nên vợ chồng không gặp, ông không thể nói chuyện được và cũng không có biện pháp hòa giải nào. Bà D yêu cầu ly hôn,

ông xác định mâu thuẫn trầm trọng trong thời gian dài, tình cảm phai nhạt, không thể hàn gắn được, ông không có biện pháp để tìm lại hạnh phúc, giữa vợ chồng có suy nghĩ, lời nói, hành động trái ngược nhau nên đề nghị giải quyết theo yêu cầu của bà D. Ông không đồng ý ly hôn với bà D vì ông không trốn tránh trách nhiệm đối với gia đình.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009, Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012, Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 hiện đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến ngày các con chung thành niên và tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn yêu cầu hòa giải, đoàn tụ gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

*Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách tố tụng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại Điều 208 đến Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ D, cho bà Hồ Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Văn H. Về con chung: giao 04 con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 cho bà Hồ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến ngày các con chung thành niên, ông Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án; về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D và bị đơn ông Lê Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Mỹ D và ông Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2009. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do trong cuộc sống chung vợ chồng không có sự tin tưởng nhau; bị đơn không quan tâm, không có trách nhiệm trong chăm sóc vợ con và trong xây dựng gia đình, đẩy trách nhiệm nuôi con, trả nợ cho vợ; vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ công việc. Theo bị đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế gia đình và con cái; ông không có tiếng nói trong gia đình, vợ chồng không nói chuyện với nhau được; nguyên đơn hời hợt, thiếu trách nhiệm trong chăm sóc con cái, chăm lo nhà cửa. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà hiện nay không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, cuộc sống chung đã chấm dứt từ năm 2021, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau; bị đơn có yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng không có thiện chí hòa giải và cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn; hiện nay vợ chồng đều xác định tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hòa giải nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Văn H là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống, nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đảm bảo điều kiện phát triển bình thường và các đương sự thỏa thuận giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường và phù hợp với nguyện vọng của các con chung cần giao bà Hồ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung Lê Thị Yến P, Lê Thị Yến P1, Lê Hồ Thiện P2 và Lê Hồ Thiện Q với mức

1.000.000đ/tháng/cháu. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà D đang trực tiếp nuôi các con chung và theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên thì ông Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó cần buộc ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi các con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 với mức 1.000.000đ/tháng/cháu là phù hợp với khả năng cấp dưỡng của ông Hòa, nhu cầu thiết yếu của con; thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2022) cho đến ngày các con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Lê Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Hồ Thị Mỹ D. Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Mỹ D và ông Lê Văn H.

**2.** Về con chung: Giao bà Hồ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 cho đến ngày các con chung thành niên.

Ông Lê Văn H phải cấp dưỡng nuôi các con chung Lê Thị Yến P, sinh ngày 06/12/2009; Lê Thị Yến P1, sinh ngày 01/3/2012; Lê Hồ Thiện P2, sinh ngày 15/10/2014 và Lê Hồ Thiện Q, sinh ngày 31/7/2019 với mức 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/tháng/cháu thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2022) cho đến ngày các con chung thành niên.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**3. Về án phí:** Buộc bà Hồ Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0007713 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Hồ Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Hạnh**